

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Quỳnh Hương Ông Đoàn Trường Triệu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020) Chủ tịch (miễn nhiệm chức danh Chủ tịch và trở thành Thành viên ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Lưu Hải Ca	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch và miễn nhiệm vị trí Thành viên từ ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Nguyễn Bá Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Nguyễn Phi Thường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Hoàng Thanh Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Bà Dương Quỳnh Điệp	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Lê Trung Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Bà Lê Thị Kiều Diễm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Võ Hoàng Chương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Hải Ca	Tổng Giám đốc
Ông Mai Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2020)
Ông Trương Hải Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2020)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Hải Ca - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Hải Ca
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2020, từ trang 4 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 12 tháng 3 năm 2020 và kết luận báo cáo soát xét không có ghi chú ngoại trừ vào ngày 29 tháng 8 năm 2019.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.426.620.123.991	5.065.961.553.647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	108.151.439.655	109.548.270.780
1. Tiền	111		108.151.439.655	109.548.270.780
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.100.552.944.148	924.640.354.821
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	352.673.684.748	293.988.926.318
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	351.922.074.720	398.865.535.879
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	9.500.000.000	9.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	388.466.996.166	222.995.704.110
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.009.811.486)	(709.811.486)
III. Hàng tồn kho	140		4.174.517.084.599	3.986.959.287.615
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.174.517.084.599	3.986.959.287.615
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.398.655.589	44.813.640.431
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	594.158.065	651.476.488
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.476.048.275	43.649.833.345
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	328.449.249	512.330.598
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		292.843.885.418	293.547.767.136
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		57.394.765.003	63.855.744.954
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	57.394.765.003	63.855.744.954
II. Tài sản cố định	220		10.692.713.708	14.603.276.256
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10.447.485.483	14.603.276.256
- Nguyên giá	222		19.331.166.658	29.263.777.050
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.883.681.175)	(14.660.500.794)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	245.228.225	-
- Nguyên giá	228		269.100.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.871.775)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.563.700.244	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	7.563.700.244	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	77.415.315.000	102.344.576.894
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12a	77.415.315.000	77.415.315.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12b	30.606.802.912	30.606.802.912
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12b	(30.606.802.912)	(5.677.541.018)
V. Tài sản dài hạn khác	260		139.777.391.463	112.744.169.032
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	139.777.391.463	112.744.169.032
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.719.464.009.409	5.359.509.320.783

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.854.650.443.736	3.314.898.382.548
I. Nợ ngắn hạn	310		3.286.197.348.988	3.033.418.578.601
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	104.376.487.494	137.147.723.175
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.568.267.651.722	1.360.200.528.643
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	159.686.398.662	122.195.097.219
4. Phải trả người lao động	314		1.614.134.722	2.911.120.550
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.517.699.497	5.110.420.886
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	1.232.062.525.271	1.276.659.396.907
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	198.258.549.304	114.943.911.978
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	19.413.902.316	14.250.379.243
II. Nợ dài hạn	330		568.453.094.748	281.479.803.947
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	433.250.633.467	119.648.068.014
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	135.202.461.281	161.831.735.933
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.864.813.565.673	2.044.610.938.235
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.864.813.565.673	2.044.610.938.235
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		479.559.579.732	479.559.579.732
3. Cổ phiếu quỹ	415		(139.163.566.214)	(139.163.566.214)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		103.268.466.603	131.477.728.497
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		416.392.525.552	567.980.636.220
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		314.331.964.947	221.847.007.985
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		102.060.560.605	346.133.628.235
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.719.464.009.409	5.359.509.320.783

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kê toán trưởng



Lưu Hải Ca
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		423.378.888.598	111.703.124.293
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	423.378.888.598	111.703.124.293
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	210.465.287.295	76.771.888.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		212.913.601.303	34.931.235.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	776.365.405	99.176.462
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	77.668.020.798	81.155.694
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.017.013.698	81.155.694
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.850.273.021	1.156.232.418
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.152.950.362	13.392.437.069
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		108.018.722.527	20.400.586.862
11. Thu nhập khác	31	VI.7	20.525.409.416	262.513.599.184
12. Chi phí khác	32	VI.8	423.040.361	494.986.004
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		20.102.369.055	262.018.613.180
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		128.121.091.582	282.419.200.042
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	26.060.530.977	54.497.040.506
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		102.060.560.605	227.922.159.536

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng



Lưu Hải Ca
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	128.121.091.582	282.419.200.042
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	1.479.493.168	1.548.657.340
Các khoản dự phòng	03	1.300.000.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(15.149.913.025)	(99.176.462)
Chi phí lãi vay	06	3.017.013.698	81.155.694
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	118.767.685.423	283.949.836.614
Tăng các khoản phải thu	09	(170.351.963.505)	(141.134.430.545)
Tăng hàng tồn kho	10	(187.557.796.984)	(125.985.069.547)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	503.851.464.274	308.020.490.528
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(26.975.904.008)	1.185.733.523
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.883.583.481)	(48.456.229.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.874.709.524)	(18.656.898.578)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.182.008.200)	(6.046.611.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	180.793.183.995	252.876.820.940
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.580.858.292)	(1.224.697.945)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.545.454.545	272.727.272
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	254.385.953	99.176.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.781.017.794)	(852.794.211)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(132.217.546.777)
2. Tiền thu từ đi vay	33	120.000.000.000	167.515.031.231
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(63.314.637.326)	(244.709.887.454)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(232.094.360.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(175.408.997.326)	(209.412.403.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.396.831.125)	42.611.623.729
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	109.548.270.780	67.244.802.400
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	108.151.439.655	109.856.426.129



Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu



Nguyễn Văn Minh
Kê toán trưởng



Lưu Hải Ca
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 4 tháng 7 năm 2005 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.004.756.560.000 đồng, được chia thành 100.475.656 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CIH”).

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 1648 Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có bốn (04) chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh Bình Thuận, đăng ký tại số 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Chi nhánh Tây Nam, đăng ký tại Trung tâm Thương mại C7, Đường Bà Triệu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.
- Chi nhánh Miền Bắc, đăng ký tại Tổ 1, Khu phố 6, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Chi nhánh Quảng Ngãi, đăng ký tại Tổ dân phố Trường Thọ Đông, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 11 năm 2008 với mã chứng khoán là NBB.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 120 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 113 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng; đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị; khai thác và chế biến khoáng sản.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Đầu tư, quản lý các công trình bất động sản
2. Công ty TNHH Hương Trà	Tỉnh Quảng Ngãi	99,00%	99,00%	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác đất cao lanh.
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	49,00%	49,00%	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác đất cao lanh.
2. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Tỉnh Quảng Nam	49,00%	49,00%	Kinh doanh bất động sản, hoạt động tư vấn quản lý, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho**Hàng hóa bất động sản**

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản; công cụ dụng cụ xuất dùng.

Chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bàn giao bất động sản cho khách hàng.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	4 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán nhà phố và căn hộ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn***Bất động sản đã bán***

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa và dịch vụ khác

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	804.216.944	1.823.804.926
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	107.347.222.711	107.724.465.854
Cộng	108.151.439.655	109.548.270.780

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu về chuyển nhượng bất động sản	295.248.520.245	239.700.633.371
Dự án Khu phức hợp Tân Kiên - Bình Chánh	221.617.727.000	221.617.727.000
Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	61.595.908.245	7.600.000.000
Dự án Khu biệt thự Đồi Thủy Sản - Quảng Ninh	12.034.885.000	10.482.906.371
Phải thu về chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác	49.793.851.642	49.793.851.642
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc	38.188.351.642	38.188.351.642
Các đối tượng khác	11.605.500.000	11.605.500.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.631.312.861	4.494.441.305
Cộng	352.673.684.748	293.988.926.318
Trong đó, chi tiết các khoản phải thu của khách hàng có số dư lớn:		
Công ty Cổ phần Bất động sản Gia Linh	77.403.482.500	77.403.482.500
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Đăng Dương	43.255.720.000	43.255.720.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc	38.188.351.642	38.188.351.642
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Hưng Vượng	36.507.742.500	36.507.742.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc	196.939.541.050	195.439.541.050
Công ty Cổ phần Xây Dựng Dân Dụng E&C	58.038.130.928	73.495.636.815
Các đối tượng khác	96.944.402.742	129.930.358.014
Cộng	351.922.074.720	398.865.535.879

Trong đó, số dư trả trước cho người bán là bên liên quan:

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	914.909.478	655.668.131
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	4.600.588.025
Cộng	914.909.478	5.256.256.156

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	9.500.000.000	9.500.000.000

Đây là khoản cho vay tín chấp với lãi suất 10,5%/năm. Tiền gốc và lãi phát sinh sẽ được thanh toán khi đáo hạn vào ngày 20 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Khoản đặt cọc thực hiện hợp đồng (i)	137.000.000.000	-
Các khoản hỗ trợ vốn kinh doanh (ii)	127.200.247.490	115.516.301.758
Tạm ứng đền bù Ông Lê Văn Hóa (iii)	67.713.870.978	49.165.230.692
Công ty Cổ phần Hifill (iv)	17.863.519.750	14.363.519.750
Công ty TNHH Sài Gòn Riverfront	15.648.060.434	15.648.060.434
Công ty TNHH Sài Gòn Riverfront	12.991.822.400	12.991.822.400
Phải thu về lãi tiền cho vay	521.979.452	-
Các khoản phải thu khác	9.527.495.662	15.310.769.076
Cộng	388.466.996.166	222.995.704.110
b. Dài hạn		
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án Công ty Cổ phần Hifill (iv)	42.108.620.000	48.557.620.000
Công ty Cổ phần Hifill (iv)	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược và phải thu khác	286.145.003	298.124.954
Cộng	57.394.765.003	63.855.744.954
Trong đó, số dư phải thu bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	137.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh (ii)	127.200.247.490	115.516.301.758
Cộng	264.200.247.490	115.516.301.758

(i) Đây là khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền kinh doanh và quản lý trung tâm thương mại và tầng hầm Dự án cao ốc 152 Điện Biên Phủ từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là hỗ trợ vốn kinh doanh cho Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh.

(iii) Đây là khoản tạm ứng hợp tác đầu tư cho Ông Lê Văn Hóa liên quan đến Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside của Công ty (chi tiết xem thêm thuyết minh số V.17)

(iv) Đây là khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Hifill mượn, được Công ty Cổ phần Hifill trả hàng năm và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. NỢ XẤU**

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	709.811.486	-	(709.811.486)	709.811.486	-	(709.811.486)
Phải thu ngắn hạn khác	1.300.000.000	-	(1.300.000.000)	-	-	-
Cộng	2.009.811.486	-	(2.009.811.486)	709.811.486	-	(709.811.486)

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện chi phí đầu tư và phát triển của các dự án bất động sản dở dang như sau:

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside	1.749.065.509.492	-	1.506.317.201.563	-
Dự án Khu căn hộ Cao tầng NBB Garden II	712.334.566.947	-	710.634.295.947	-
Dự án Khu căn hộ Cao tầng NBB Garden III	749.713.138.762	-	702.047.363.267	-
Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi (i)	516.225.111.872	-	581.370.213.723	-
Dự án Khu biệt thự Đồi Thủy Sản - Quảng Ninh	245.618.122.172	-	290.774.076.020	-
Dự án Khu du lịch De - Lagi	167.137.503.054	-	161.472.278.641	-
Dự án Khu đô thị Sinh thái Đồn điền Hạ Long	27.996.328.839	-	27.996.328.839	-
Dự án Khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu	5.222.258.005	-	5.142.984.159	-
Dự án Đảo Hồng Ngọc - Quảng Ngãi	1.204.545.456	-	1.204.545.456	-
Cộng	4.174.517.084.599	-	3.986.959.287.615	-

(i) Dự án này công ty đã ký hợp đồng Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (chi tiết xem thêm thuyết minh số V.17) và Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City. Trong đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City được hưởng 30% lợi nhuận trước thuế của dự án từ việc đóng góp, phát triển và kinh doanh dự án theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2019/HĐ-PC ký ngày 28 tháng 6 năm 2019 cùng các phụ lục kèm theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	594.158.065	651.476.488
b. Dài hạn		
Chi phí hoa hồng môi giới bán bất động sản (i)	107.133.300.087	102.906.953.207
Chi phí hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh (ii)	22.848.992.900	-
Chi phí nhà mẫu	9.661.844.627	8.941.140.627
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	91.145.737	58.075.198
Các khoản chi phí khác	42.108.112	838.000.000
	139.777.391.463	112.744.169.032
Tổng cộng chi phí trả trước	140.371.549.528	113.395.645.520

(i) Đây là chi phí hoa hồng môi giới bất động sản liên quan đến Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside.

(ii) Đây là khoản lợi nhuận trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City liên quan đến việc hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh như đã trình bày tại Thuyết minh số V.7.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	7.088.923.234	18.991.622.618	711.678.637	2.471.552.561	29.263.777.050
Mua trong kỳ	127.272.727	1.215.145.818	129.319.000	-	1.471.737.545
Thanh lý, nhượng bán	(5.877.072.519)	(3.055.722.857)	-	(2.471.552.561)	(11.404.347.937)
Tại ngày 30/06/2020	1.339.123.442	17.151.045.579	840.997.637	-	19.331.166.658
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	3.640.027.653	9.327.325.856	326.534.084	1.366.613.201	14.660.500.794
Khấu hao trong kỳ	130.936.943	1.212.441.019	64.075.686	48.167.745	1.455.621.393
Thanh lý, nhượng bán	(2.761.937.209)	(3.055.722.857)	-	(1.414.780.946)	(7.232.441.012)
Tại ngày 30/06/2020	1.009.027.387	7.484.044.018	390.609.770	-	8.883.681.175
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	3.448.895.581	9.664.296.762	385.144.553	1.104.939.360	14.603.276.256
Tại ngày 30/06/2020	330.096.055	9.667.001.561	450.387.867	-	10.447.485.483

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 3.960.293.585 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4.384.268.361 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020	-
Mua trong kỳ	269.100.000
Tại ngày 30/06/2020	269.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	-
Khấu hao trong kỳ	23.871.775
Tại ngày 30/06/2020	23.871.775
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	-
Tại ngày 30/06/2020	245.228.225

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Dự án xây dựng văn phòng điều hành tại De - Lagi, tỉnh Bình Thuận	7.563.700.244	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****a. Đầu tư vào công ty con**

	30/06/2020				01/01/2020			
	Tỷ lệ góp	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ góp	Tỷ lệ vốn góp	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	95,00%	57.615.315.000	-	(i)	95,00%	57.615.315.000	-	(i)
Công ty TNHH Hương Trà	99,00%	19.800.000.000	-	(i)	99,00%	19.800.000.000	-	(i)
Cộng		77.415.315.000	-	(i)		77.415.315.000	-	(i)

b. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2020				01/01/2020			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	49,00%	26.027.166.667	(26.027.166.667)	(i)	49,00%	26.027.166.667	(5.677.541.018)	(i)
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49,00%	4.579.636.245	(4.579.636.245)	(i)	49,00%	4.579.636.245	-	(i)
Cộng		30.606.802.912	(30.606.802.912)	(i)		30.606.802.912	(5.677.541.018)	(i)

(i) Giá trị hợp lý của các công ty con và công ty liên kết chưa được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

Tồn thất từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được bù đắp bởi Quỹ đầu tư phát triển (chi tiết xem thêm thuyết minh số V.20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây Dựng	25.937.931.943	25.937.931.943	56.459.717.391	56.459.717.391
Công ty TNHH Tân Hưng Thịnh	15.750.314.150	15.750.314.150	19.126.793.915	19.126.793.915
Công ty TNHH Kone Việt Nam	-	-	19.820.583.900	19.820.583.900
Các đối tượng khác	62.688.241.401	62.688.241.401	41.740.627.969	41.740.627.969
Cộng	104.376.487.494	104.376.487.494	137.147.723.175	137.147.723.175
Trong đó, số dư phải trả bên liên quan:				
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	1.166.121.724	1.166.121.724	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

Số dư thể hiện các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của các khách hàng mua căn hộ và đất nền liên quan đến các dự án sau:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside	1.539.949.153.369	1.324.158.968.244
Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	25.295.867.122	33.018.929.168
Dự án Khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu	3.022.631.231	3.022.631.231
Cộng	1.568.267.651.722	1.360.200.528.643

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	16.948.200	16.948.200
Các khoản khác	512.330.598	200.850.019	20.470	311.501.049
Cộng	512.330.598	200.850.019	16.968.670	328.449.249
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	11.125.158.335	19.443.659.092	5.811.940.021	24.756.877.406
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.439.168.696	26.060.530.977	2.874.709.524	96.624.990.149
Thuế thu nhập cá nhân	647.051.539	3.303.011.437	2.459.436.118	1.490.626.858
Các khoản khác	36.983.718.649	1.122.735.495	1.292.549.895	36.813.904.249
Cộng	122.195.097.219	49.929.937.001	12.438.635.558	159.686.398.662

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.625.196.439	1.517.031.675
Các khoản chi phí phải trả khác	892.503.058	3.593.389.211
Cộng	2.517.699.497	5.110.420.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền giữ chỗ nhận từ khách hàng	1.172.497.526.437	1.192.559.485.029
Các khoản phải trả về hợp tác đầu tư	34.169.016.641	45.169.016.641
Tiền nhận hỗ trợ vốn kinh doanh	19.054.851.635	19.054.851.635
Cổ tức phải trả	1.208.780.000	-
Các khoản phải trả khác	5.132.350.558	19.876.043.602
Cộng	1.232.062.525.271	1.276.659.396.907
b. Dài hạn		
Phải trả vốn góp hợp tác đầu tư (*)	420.967.260.000	70.967.260.000
Nhận ký quỹ, ký cược	6.948.031.000	7.370.731.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả	5.335.342.467	41.310.077.014
Cộng	433.250.633.467	119.648.068.014
Trong đó, số dư phải trả bên liên quan:		
Phải trả Công ty TNHH Hương Trà tiền vốn hỗ trợ kinh doanh	15.944.446.000	15.944.446.000
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi tiền vốn hỗ trợ kinh doanh	3.110.405.635	3.110.405.635
Phải trả Công ty CII		
<i>Vốn góp hợp tác đầu tư (i)</i>	412.500.000.000	36.000.000.000
<i>Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả</i>	5.335.342.467	41.310.077.014
Cộng	436.890.194.102	96.364.928.649

(*) Chi tiết các khoản vốn góp hợp tác đầu tư như sau:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hợp tác đầu tư Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi với Công ty CII (i)	412.500.000.000	36.000.000.000
Hợp tác đầu tư Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi với Công ty Cổ phần Pearl City	-	26.500.000.000
Hợp tác đầu tư Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside với Ông Lê Văn Hóa (ii)	8.467.260.000	8.467.260.000
Cộng	420.967.260.000	70.967.260.000

(i) Đây là khoản nhận vốn góp từ Công ty CII theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2020 ký ngày 14 tháng 5 năm 2020 để hợp tác đầu tư xây dựng Dự án Khu Dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi. Công ty CII được phân chia lợi nhuận khoán gọn với tỷ lệ 13%/năm tính trên số tiền thực tế góp vào dự án.

(ii) Công ty hợp tác đầu tư cùng với Ông Lê Văn Hóa theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/HĐ ngày 29 tháng 10 năm 2015 để hợp tác đầu tư phân diện tích đất quy hoạch xây dựng Trường học thuộc Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi sang một phần diện tích đất ở với diện tích khoảng 5.200 m². Vốn góp của Công ty và Ông Lê Văn Hóa theo tỷ lệ tương ứng là 80% và 20% đối với phần chi phí về đất, các chi phí khác góp theo tỷ lệ mỗi bên 50%. Sau khi dự án hoàn thành, sản phẩm sẽ được chia đều cho mỗi bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	70.000.000.000	70.000.000.000	160.000.000.000	90.000.000.000	-	-
Cộng: Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	53.258.549.304	53.258.549.304			39.943.911.978	39.943.911.978
Cộng	198.258.549.304	198.258.549.304			114.943.911.978	114.943.911.978
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	146.461.010.585	146.461.010.585	-	13.314.637.326	159.775.647.911	159.775.647.911
Ngân hàng TMCP Á Châu	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000	42.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(53.258.549.304)	(53.258.549.304)			(39.943.911.978)	(39.943.911.978)
Cộng	135.202.461.281	135.202.461.281			161.831.735.933	161.831.735.933
Tổng cộng khoản vay	333.461.010.585	333.461.010.585	160.000.000.000	103.314.637.326	553.551.295.822	553.551.295.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngắn hạn</u>					
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	75.000.000.000	12 tháng	10,00%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư vào các dự án bất động sản	Quyền tài sản phát sinh từ dự án Diamond Riverside.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	70.000.000.000	6 tháng	11,00%	Đầu tư, phát triển dự án Khu dân cư Sơn Tịnh	Toàn bộ Quyền sử dụng đất của các lô đất nền, các khoản phải thu từ các hợp đồng và số dư tài khoản chuyên thu mở tại ngân hàng liên quan trực tiếp đến dự án Khu dân cư Sơn Tịnh.
<u>Dài hạn</u>					
Ngân hàng TMCP Á Châu	42.000.000.000	60 tháng	10,50%	Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án Diamond Riverside.	3 tầng thương mại dịch vụ ở Block B, tòa nhà Carina Plaza, chủ sở hữu là Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	146.461.010.585	48 tháng	10% - 12,20%	Thanh toán các chi phí liên quan đến dự án Diamond Riverside.	Quyền tài sản phát sinh từ dự án Diamond Riverside.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	53.258.549.304	39.943.911.978
Trong năm thứ hai	53.258.549.304	53.258.549.304
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	81.943.911.977	108.573.186.629
	188.461.010.585	201.775.647.911
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(53.258.549.304)	(39.943.911.978)
Số phải trả sau 12 tháng	135.202.461.281	161.831.735.933

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.250.379.243	17.015.481.829
Trích lập quỹ trong kỳ	17.345.531.273	7.702.809.190
Sử dụng quỹ trong kỳ	(12.182.008.200)	(8.154.886.776)
Số dư cuối kỳ	19.413.902.316	16.563.404.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	975.715.740.000	459.600.399.732	(6.891.019.437)	131.477.728.497	245.916.170.821	1.805.819.019.613
Tăng vốn trong kỳ	29.040.820.000	23.459.180.000	-	-	-	52.500.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(132.272.546.777)	-	-	(132.272.546.777)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	227.922.159.536	227.922.159.536
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.702.809.190)	(7.702.809.190)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	1.004.756.560.000	483.059.579.732	- 139.163.566.214	131.477.728.497	464.635.521.167	1.944.765.823.182
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	118.211.468.699	118.211.468.699
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	57.509.276	57.509.276
Điều chỉnh khác	-	(3.500.000.000)	-	-	(14.923.862.922)	(18.423.862.922)
Tại ngày 31/12/2019	1.004.756.560.000	479.559.579.732	(139.163.566.214)	131.477.728.497	567.980.636.220	2.044.610.938.235

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	1.004.756.560.000	479.559.579.732	(139.163.566.214)	131.477.728.497	567.980.636.220	2.044.610.938.235
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	102.060.560.605	102.060.560.605
Chia cổ tức	-	-	-	-	(233.303.140.000)	(233.303.140.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.345.531.273)	(17.345.531.273)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Sử dụng quỹ (i)	-	-	-	(28.209.261.894)	-	(28.209.261.894)
Tại ngày 30/06/2020	1.004.756.560.000	479.559.579.732	(139.163.566.214)	103.268.466.603	416.392.525.552	1.864.813.565.673

(i) Quỹ đầu tư phát triển đã được dùng để bù đắp cho các tổn thất tài chính do rủi ro về pháp lý và sự cố trong hoạt động của Công ty theo Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 12 tháng 5 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	100.475.656	100.475.656
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	100.475.656	100.475.656
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.475.656	100.475.656
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(7.154.400)	(7.154.400)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(7.154.400)	(7.154.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93.321.256	93.321.256
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.321.256	93.321.256
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 12 tháng 5 năm 2020, cổ tức năm 2019 đã được phê duyệt với tỷ lệ là 25%, tương ứng 2.500 đồng/cổ phiếu đang lưu hành.

Cổ tức năm 2020 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ là 15%, tương ứng 1.500 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. DOANH THU**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu từ kinh doanh bất động sản	419.616.534.448	111.703.124.293
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.762.354.150	-
Cộng	423.378.888.598	111.703.124.293

2. GIÁ VỐN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn bất động sản	206.956.576.943	76.771.888.712
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.508.710.352	-
Cộng	210.465.287.295	76.771.888.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	776.365.405	99.176.462
Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CI	144.842.466	-

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh (i)	74.651.007.100	-
Chi phí lãi vay	3.017.013.698	81.155.694
Cộng	77.668.020.798	81.155.694

(i) Đây là khoản lợi nhuận dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi phân chia cho Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City liên quan đến việc hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh như đã trình bày tại Thuyết minh số V.7.

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.213.372.330	1.156.232.418
Chi phí bằng tiền khác	636.900.691	-
Cộng	1.850.273.021	1.156.232.418

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.499.101.472	7.674.320.527
Chi phí đồ dùng văn phòng	192.069.749	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.235.338.478	927.027.238
Chi phí dự phòng	1.300.000.000	-
Thuế, phí và lệ phí	97.971.630	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.673.697.118	1.054.610.048
Chi phí bằng tiền khác	9.154.771.915	3.736.479.256
Cộng	26.152.950.362	13.392.437.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (i)	14.000.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý và phạt hợp đồng	4.789.210.088	6.970.965.841
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản	373.547.620	272.727.272
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư	-	255.000.000.000
Các khoản thu nhập khác	1.362.651.708	269.906.071
Cộng	20.525.409.416	262.513.599.184

(i) Đây là khoản thu nhập phát sinh từ việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản Mỏ đá Bắc núi Tà Zôn ở tỉnh Bình Thuận cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Trường Phúc Hải.

8. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Các khoản phạt	192.106.779	169.204.931
Các khoản chi phí khác	230.933.582	325.781.073
Cộng	423.040.361	494.986.004

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	128.121.091.582	282.419.200.042
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	2.181.563.305	425.972.655
Thu nhập chịu thuế	130.302.654.887	282.845.172.697
Chuyển lỗ	-	(10.359.970.165)
Thu nhập tính thuế	130.302.654.887	272.485.202.532
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.060.530.977	54.497.040.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. DANH SÁCH VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các Thuyết minh khác trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh	558.500.000.000	-
Hoàn trả vốn góp hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh	182.000.000.000	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh	7.218.828.768	-
Thanh toán chi phí sử dụng vốn hợp tác đầu tư dự án	43.193.563.315	-
Hoàn trả tiền gốc hợp tác đầu tư dự án Diamond Riverside	-	231.200.000.000
Chuyển tiền đặt cọc nhận chuyển nhượng trung tâm thương mại	137.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	23.663.230.385	12.961.099.343
Thu hồi lại tiền hỗ trợ vốn	11.000.000.000	16.000.000.000
Chi phí thuê văn phòng, mặt bằng và các dịch vụ khác	1.782.761.833	1.584.218.182
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		
Chi phí thi công dự án Sơn Tịnh	4.698.168.349	3.312.454.545
Thanh toán tiền thi công dự án Sơn Tịnh	5.427.226.531	3.060.708.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Chuyển tiền cho vay	9.500.000.000	-
Thu hồi lại tiền cho vay	9.500.000.000	-
Thu tiền lãi vay phát sinh	144.842.466	-
Chi phí thi công dự án Sơn Tịnh	10.741.731.963	-
Tạm ứng kinh phí thi công dự án	117.353.846.935	-
Thu hồi tiền tạm ứng kinh phí thi công dự án	111.304.651.525	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. DANH SÁCH VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	4.985.620.100	2.647.500.000

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Chi tiết các khoản mục phân loại lại trên Bảng cân đối kế toán riêng như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2019	Phân loại	01/01/2020
		Số đã báo cáo VND	số dư VND	Số phân loại lại VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	244.195.074.676	49.793.851.642	293.988.926.318
Phải thu ngắn hạn khác	136	272.789.555.752	(49.793.851.642)	222.995.704.110

Ngoài ra, Công ty đã điều chỉnh hồi tố khoản tiền phạt chậm nộp thuế phát sinh từ trước năm 2015 chưa được ghi nhận với giá trị là 36.813.904.249 đồng. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu báo cáo đầu kỳ của Bảng cân đối kế toán riêng như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2019	Điều chỉnh	01/01/2020
		Số đã báo cáo VND	hồi tố sai sót VND	Số điều chỉnh lại VND
NỢ PHẢI TRẢ	300	3.278.084.478.299	36.813.904.249	3.314.898.382.548
Nợ ngắn hạn	310	2.996.604.674.352	36.813.904.249	3.033.418.578.601
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	85.381.192.970	36.813.904.249	122.195.097.219
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2.081.424.842.484	(36.813.904.249)	2.044.610.938.235
Vốn chủ sở hữu	410	2.081.424.842.484	(36.813.904.249)	2.044.610.938.235
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	604.794.540.469	(36.813.904.249)	567.980.636.220
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	258.660.912.234	(36.813.904.249)	221.847.007.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường đã thông qua cơ chế tăng cường mở rộng hợp tác với Công ty CII nhằm khai thác tối đa lợi thế của mỗi Công ty trong việc đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án. Công ty CII có thể sử dụng tài sản của Công ty để đảm bảo cho việc huy động vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài sự kiện đã nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng

Lưu Hải Ca
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2020